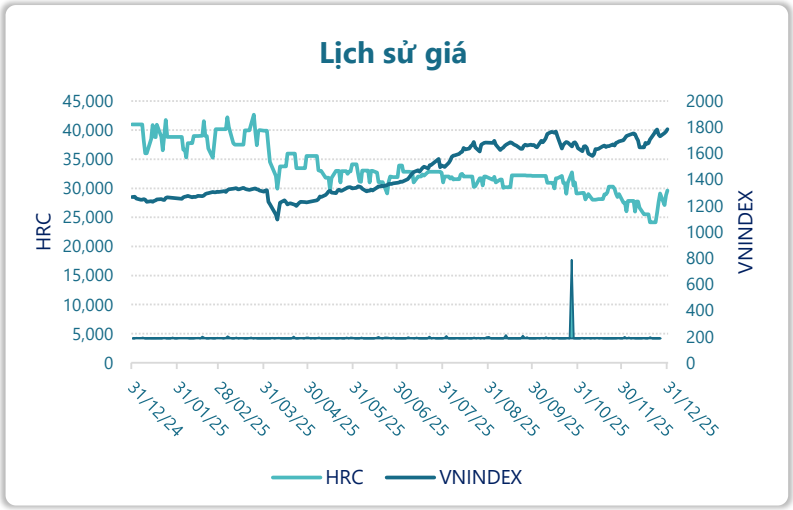
FireAnt

CTCP Cao su Hòa Bình (HSX: HRC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**29,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	42,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,150
SL cổ phiếu LH	30,206,622
KLGD BQ 20 phiên (CP)	325
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	894
P/E	24.8
EPS	1,195

DT thuần

Q4/25

80.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.9| 19.2%

YoY: ▼9.80| -10.9%

LN sau thuế

Q4/25

9.31

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.7| -57.7%

YoY: ▼49.4| -84.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

20.9%

+/- YoY: ▼ 16.0%

DT thuần

2025

244

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 30.0| 13.9%

LN sau thuế

2025

36.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼25.3| -41.2%

ROE

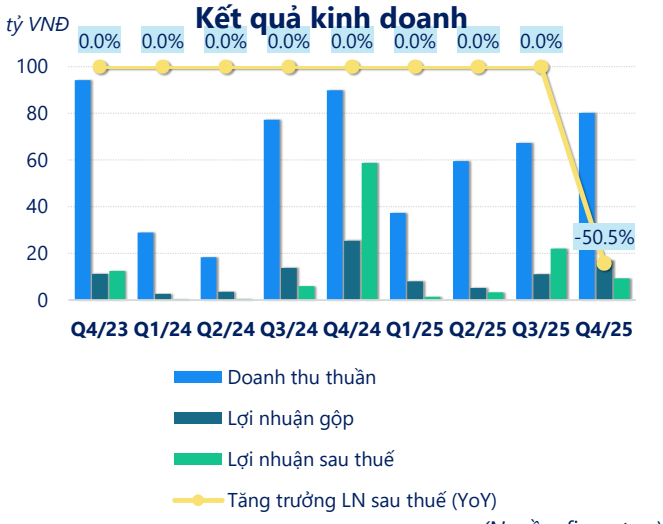
2025

5.9%

+/- YoY: ▼ 4.8%

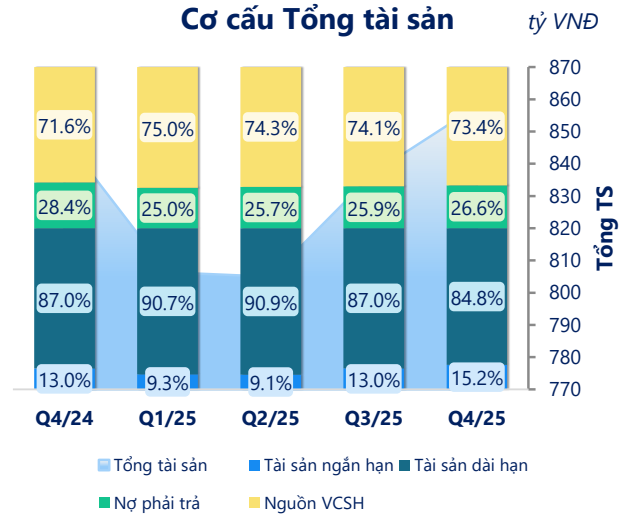
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



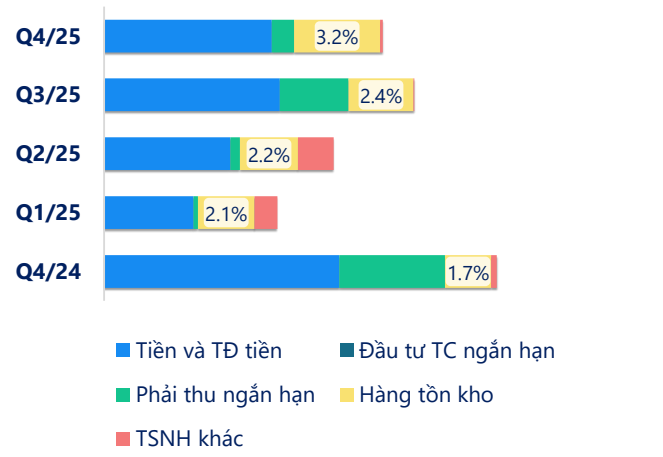
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



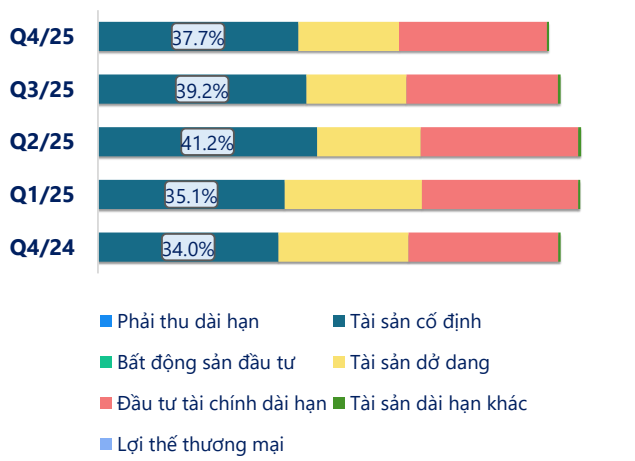
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



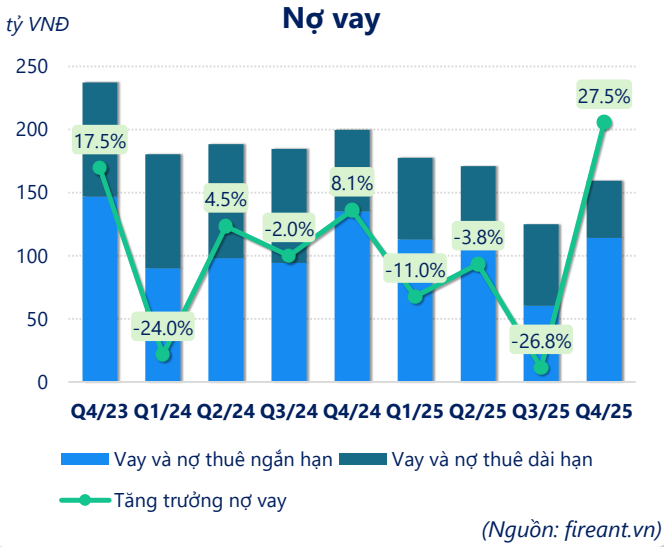
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



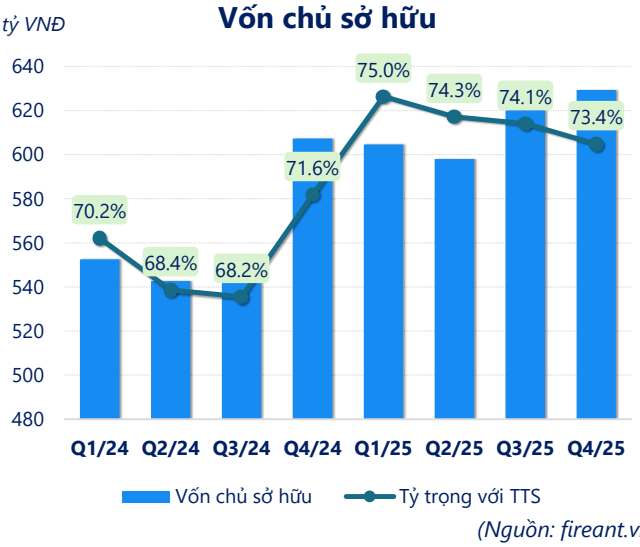
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



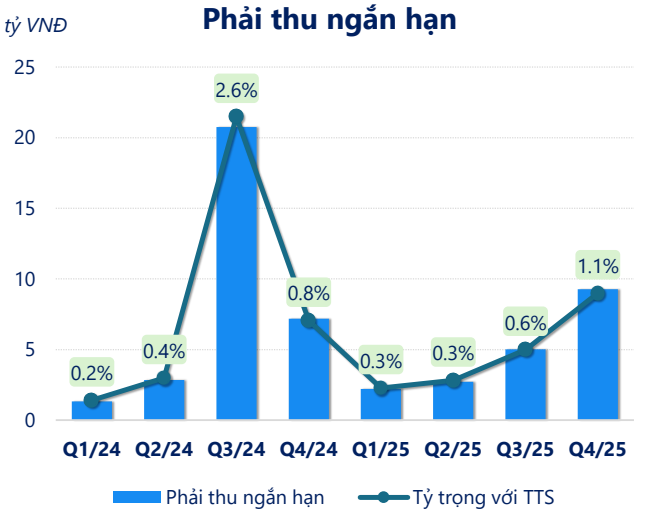
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



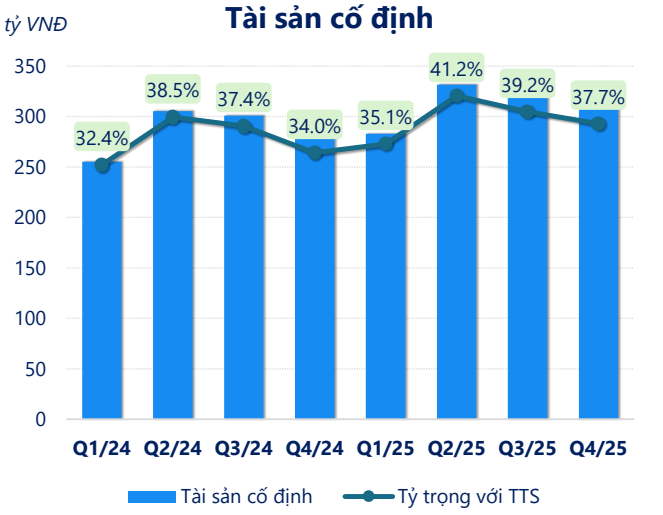
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



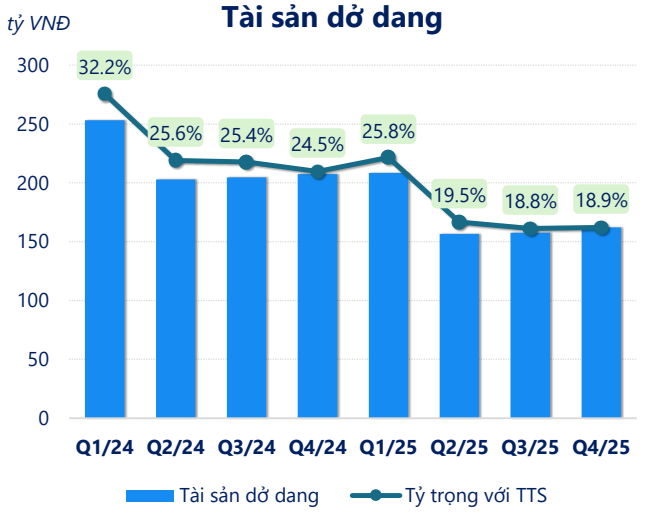
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



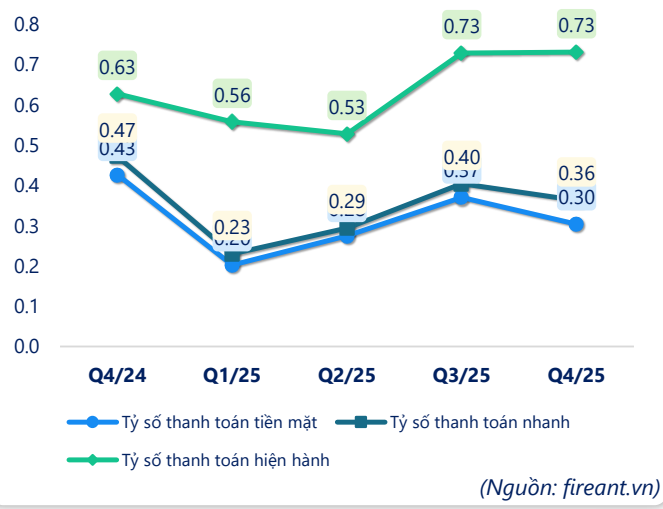
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



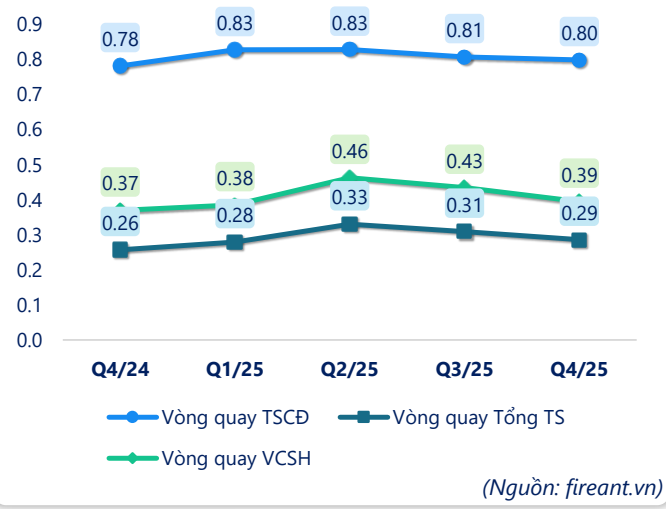
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**848**	**806**	**805**	**837**	**858**
Tài sản ngắn hạn	**110**	**74.8**	**73.5**	**109**	**130**
Tiền và tương đương tiền	75.0	27.1	38.3	55.4	54.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	7.17	2.21	2.72	5.01	9.26
Hàng tồn kho	27.4	44.0	32.5	48.5	65.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.83	1.51	0	0	1.26
Tài sản dài hạn	**738**	**732**	**731**	**728**	**728**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	288	283	332	328	323
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	207	208	157	158	162
Đầu tư tài chính dài hạn	239	237	239	239	239
Tài sản dài hạn khác	3.58	3.58	4.48	4.18	3.62
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**241**	**202**	**207**	**217**	**229**
Nợ ngắn hạn	**176**	**134**	**139**	**149**	**178**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	135	113	106	60.3	114
Phải trả người bán ngắn hạn	5.00	1.05	6.49	10.4	20.9
Nợ dài hạn	64.7	67.8	67.8	67.8	50.6
Vay và nợ thuê dài hạn	64.7	64.7	64.7	64.7	45.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	**607**	**605**	**598**	**620**	**629**
Vốn chủ sở hữu	**607**	**605**	**598**	**620**	**629**
Vốn điều lệ	302	302	302	302	302
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)